

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày 05-7-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hoài.

2. Bà Hứa Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trí Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn Cuôm, xã Trung Thành, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày. (Vắng mặt có đơn xin xét xử).

Bị đơn: Anh Linh Văn Th, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn Cuôm, xã Trung Thành, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Tày. (Vắng mặt lần thứ hai không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 22/3/2023 của nguyên đơn và cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ chị Nông Thị T trình bày: Chị T và anh Linh Văn Th trước khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Thành, huyện V, tỉnh H vào ngày 25/9/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến đầu năm 2016 vợ chồng chị T, anh Th phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong việc làm ăn kinh tế, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không chia sẻ cuộc sống trong gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau rất nhiều lần, bên cạnh đó anh Th thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu. Mâu thuẫn vợ chồng chưa được cấp có chính quyền nào tiến hành

hòa giải, mà chỉ được hai bên gia đình nội, ngoại khuyên bảo để vợ chồng chị T, anh Th đoàn tụ cùng nhau làm ăn và nuôi dạy con cái nhưng cũng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không cải thiện được, đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Chị T xét thấy tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Linh Văn Th để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị T và anh Linh Văn Th có một con chung là cháu Linh Quốc U, sinh ngày 04/02/2013.

Hiện nay cháu U đang ở với chồng chị là anh Linh Văn Th tại thôn Cuôm, xã Trung Thành, huyện V, tỉnh H. Ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Trong quá trình chung sống chị T, anh Th chưa tạo dựng được khối tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Linh Văn Th trình bày tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ghi ngày 15/5/2023 và ngày 26/5/2023 mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải có nội dung: Anh Th và chị T hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Thành, huyện V, tỉnh H. Sau khi kết hôn vợ, chồng anh chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2016 vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T đi làm thuê tại tỉnh Bắc N không về, vợ chồng anh bắt đầu quan điểm sống, sự mâu thuẫn của vợ chồng chưa được nhờ cơ quan nào giải quyết mà chỉ được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng anh vẫn không khắc phục được, vợ chồng anh đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc đến nhau mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình, sự mâu thuẫn của vợ chồng anh Th chưa đến mức trầm trọng. Nay chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn, anh Th không nhất trí mong chị T quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có một con chung là cháu Linh Quốc U, sinh ngày 04/02/2013; Hiện nay cháu đang ở với anh Th tại thôn Cuôm, xã Trung Thành, huyện V, tỉnh H. Nếu trong trường hợp chị T một mực xin được ly hôn với anh, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu U cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Nông Thị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng anh Th không có tài sản, công nợ gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các đương sự không thỏa thuận được, Tòa án đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa chị Nông Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt ghi ngày 27 tháng 6 năm 2023. Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, đơn xin giải quyết

vắng mặt của chị Nông Thị T và các tài liệu kèm theo ý kiến của chị T trong đơn thể hiện:

Quan hệ hôn nhân: Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với anh Th.

Về phần con chung: Chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Linh Quốc U cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Linh Văn Th vắng mặt không có lý do (Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần). Chủ Tọa công bố toàn bộ tài liệu, chứng cứ liên quan đến anh Th trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Anh Th có quan điểm không nhất trí ly hôn với chị T. Trường hợp chị T nhất quyết ly hôn thì anh Th xin nhận nuôi cháu Linh Quốc U và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có vi phạm.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Nông Thị Th đối với anh Linh Văn Th.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị T và anh Linh Văn Th ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Linh Quốc U, sinh ngày 04/02/2013 cho chị Nông Thị Th; Địa chỉ: Thôn Cuôm, xã Trung Thành, huyện V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu U trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 05/7/2023.

Anh Linh Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản, công nợ chung: Chị T và anh Th xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Nông Thị T về việc xin ly hôn với anh Linh Văn Th được Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định từ cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2] Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nông Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Linh Văn Th vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử (HĐXX) mở phiên tòa để xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T và anh Linh Văn Th tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Thành, huyện V, tỉnh H nên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Th là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 09/2019 vợ, chồng chị T, anh T phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống chung không hòa thuận. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T có đơn xin ly hôn với anh Th. Hội đồng xét xử nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Th cuộc sống chung không hoà hợp, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Th là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Không chấp nhận yêu cầu của anh Th đề nghị chị T về đoàn tụ gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nông Thị T và anh Linh Văn Th xác định có một con chung là Linh Quốc U, sinh ngày 04/02/2013. Căn cứ theo quy định tại Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội Đồng xét xử xét thấy:

[5] Nguyên vọng của cháu Linh Quốc U xin được ở với mẹ là chị Nông Thị T, nguyện vọng của chị T mong muốn được nuôi cháu U. Bên cạnh đó, chị T có thu nhập ổn định, có thời gian chăm sóc và nuôi dạy cháu U. Do vậy, để bảo đảm cho cháu U được phát triển toàn diện và phù hợp với nguyện vọng của cháu và mong muốn của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Linh Quốc U, sinh ngày 04/02/2013 cho chị Nông Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu U trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 05/7/2023.

[6] Đối với nguyện vọng của anh Linh Văn Th xin nhận nuôi cháu U. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu U có nguyện vọng xin được ở với mẹ là chị Nông

Thị T, hơn nữa cháu U còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn, do vậy, không có cơ sở để chấp nhận nguyện vọng của anh Th.

[7] Anh Linh Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

[8] Về tài sản, công nợ chung: Chị Nông Thị T và anh Linh Văn Th xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Chị Nông Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Quyền kháng cáo: Chị Nông Thị T và anh Linh Văn Th được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa đồng thuận với Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Nông Thị T đối với anh Linh Văn Th.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T và anh Linh Văn Th ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Linh Quốc U, sinh ngày 04/02/2013 cho chị Nông Thị T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn Cuôm, xã Trung Thành, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu U trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 05/7/2023.

Anh Linh Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Nông Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002561 ngày 31 tháng 3 năm 2023. (chị T đã nộp đủ án phí)

5. Quyền kháng cáo: Chị Nông Thị T, anh Linh Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh;
- UBND xã Trung Thành, huyện V, tỉnh H;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân